

Bản án số: 14/2020/HNGĐ-PT

Ngày: 15 - 5 - 2020

V/v tranh chấp chia tài sản
sau khi ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Hùng Quang

Các Thẩm phán: Ông Trần Trọng Nhân

Bà Nguyễn Thị Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Ngọc Trâm là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 17 tháng 4 và 15 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 06/2020/TLPT-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2020 về việc “*Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn*”.

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 278/2019/HNGĐ-ST ngày 23/12/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 07/2020/QĐ-PT ngày 27 tháng 02 năm 2020 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 10/2020/QĐ-PT ngày 17/4/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Võ Thị H, sinh năm 1952

Địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của bà Võ Thị H: Chị Hồ Thị L, sinh năm 1978.
Địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (theo văn bản ủy quyền ngày 04/9/2019), (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Thái Huyền Tr, sinh năm 1952. Địa chỉ: Số 338/5A, đường Q, khóm 4, phường 5, thành phố C, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- Bị đơn: Ông Hồ Công T, sinh năm 1947.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau

Người đại diện hợp pháp cho bị đơn: Ông Trần Chi L, sinh năm 1975 (theo văn bản ủy quyền ngày 04/5/2020) (có mặt).

Địa chỉ: Ấp 2, xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Hồ Minh T1, sinh năm 1970 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

2. Ông Nguyễn Hải Đ, sinh năm 1960 (có mặt ngày 17/4/2020; vắng mặt ngày 15/5/2020).

Địa chỉ: Ấp M, xã Tạ An K, huyện Đ, tỉnh Cà Mau

3. Chị Lương Thị Bích C, sinh năm 1970 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

4. Anh Hồ Thanh T2, sinh năm 1999 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

5. Anh Hồ Thương T3, sinh năm 1995 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

6. Anh Hồ Công N, sinh năm 1974 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

- *Người kháng cáo:* Bà Võ Thị H - Nguyên đơn; Anh Hồ Minh T1 -Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn chị Hồ Thị L trình bày:

Theo bản án sơ thẩm số 180/2016/HNGĐ-ST ngày 12/12/2016 của Tòa án nhân dân huyện Đ đã xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Hồ Công T với bà Võ Thị H. Về tài sản chung, vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân có tạo lập được 02 phần đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 343674, số vào sổ cấp giấy 08481/QSDĐ-ĐD do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 22/12/1990 theo Quyết định số 407/QĐ-UB ngày 10/7/1990 với diện tích 16.590m² tại Ấp T, xã T, huyện Đ. Phần đất này ông bà thỏa thuận giao cho ông T quản lý sử dụng, bà quản lý giấy chứng nhận, không đặt ra chia để sau này cho lại các con. Nhưng nay ông T làm tờ có mất giấy để được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau cấp lại giấy khác số CR 339701, số vào sổ CS 00902 ngày 04/7/2019, tờ bản đồ số 05, thửa 370, diện tích 17.292m² tại Ấp T, xã T. Với ý định chiếm và bán hết tài sản chung là phần đất của vợ chồng tạo lập từ năm 1971. Hiện nay, giấy chứng nhận củ bà đang giữ bản gốc, còn ông T giữ giấy chứng nhận mới được cấp lại. Đối với phần đất thứ hai diện tích 38.868m² sau khi chuyển nhượng của ông Lê Tấn Th cho con ruột Hồ Minh T1 đứng tên. Nay bà H yêu cầu Tòa án giải quyết chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà, chia phần đất có diện tích 17.292m² cho bà và ông T mỗi người được hưởng ½. Bà H không đồng ý chia đôi phần đất có diện tích 38.868m² do anh T1 đang đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Bị đơn ông Hồ Công T trình bày:

Trong thời kỳ hôn nhân, ông với bà H có tạo lập được 02 phần đất có diện tích 38.868m² và 16.590m² (17.292m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới). Ngày 12/12/2016, Tòa án nhân dân huyện Đ giải quyết và công nhận thuận tình ly hôn giữa ông với bà H. Ông đã giao cho bà H quản lý sử dụng phần đất có

diện tích 38.868m² tại Ấp P, xã T. Phần đất này vợ chồng cùng sang của ông Lê Tấn Th, quyền sử dụng hiện nay ông vẫn đứng tên. Việc bà H yêu cầu chia đôi phần đất do ông đang quản lý sử dụng có diện tích 17.292m² là không hợp lý. Ông không có chuyển nhượng đất cho anh Hồ Minh T1 như phía nguyên đơn trình bày. Nay ông không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà H; Trường hợp bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện thì ông yêu cầu chia đôi phần đất có diện tích 38.868m² cho mỗi người hưởng ½. Ông T xác định, trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu của ông, thì ông yêu cầu được hưởng phần đất có diện tích 17.292m², còn phần đất có diện tích 38.868m² ông đồng ý giao cho bà H hưởng.

Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 278/2019/HNGĐ-ST ngày 23/12/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 5; Điều 91; Điều 147; khoản 2 Điều 157; khoản 2 Điều 165 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 33; Điều 59; điểm b khoản 2 Điều 62 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị H và ông Hồ Công T.

Bà Võ Thị H được hưởng phần đất thuộc tờ bản đồ số 17; thửa 34 và 131 có diện tích 38.539m² (Ba mươi tám ngàn năm trăm ba mươi chín mét vuông) tọa lạc Ấp P, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp cho anh Hồ Minh T1 ngày 08/6/2011. Phần đất có vị trí như sau:

Hướng Đông giáp phần đất ông Ngô Phát Ngôn, dài 950m;

Hướng Tây giáp phần đất ông Nguyễn Văn Móm, dài 958m;

Hướng Nam giáp kinh Ông Đơn, dài 42,2m;

Hướng Bắc giáp phần đất ông Lâm Văn Thọ, dài 40m;

Ông Hồ Công T được hưởng phần đất thuộc tờ bản đồ số 05; thửa 370 có diện tích 17.292m² (Mười bảy ngàn, hai trăm chín mươi hai mét vuông) tọa lạc Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau cấp cho ông Hồ Công T ngày 04/7/2019. Phần đất có vị trí như sau:

Hướng Đông giáp phần đất ông Hứa Văn Trung, dài 385m;

Hướng Tây giáp phần đất ông Nguyễn Văn Quýt, dài 380,8m;

Hướng Nam giáp phần đất ông Đoàn Thanh Liêm, dài 48m;

Hướng Bắc giáp kênh Cây Giá (kênh Xáng Mới), dài 47,7m;

Về án phí dân sự: Bà Võ Thị H và ông Hồ Công T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Về chi phí xem xét tại chỗ và định giá tài sản: Bà Võ Thị H phải chịu 1.800.000 đồng (một triệu tám trăm ngàn đồng). Ông Hồ Công T phải chịu 1.200.000 đồng (một triệu hai trăm ngàn đồng). Buộc bà Võ Thị H phải có nghĩa

vụ nộp số tiền 1.800.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ để hoàn trả cho ông Hồ Công T.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 03/01/2020 bà Võ Thị H kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm. Buộc ông Hồ Công T chia cho bà $\frac{1}{2}$ phần đất diện tích 17.292m² tại Ấp T, xã T, huyện Đ, không chấp nhận chia phần đất 38.539m² tại Ấp P, xã T, huyện Đ, vì lý do đất này không phải của vợ chồng, đã cho con Hồ Minh T1 từ lâu.

Ngày 03/01/2020 anh Hồ Minh T1 kháng cáo, không đồng ý chia phần đất 38.539m² tại Ấp P, xã T, huyện Đ tỉnh Cà Mau vì đất cha, mẹ đã cho anh sử dụng 24 năm nay.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, sửa một phần án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Võ Thị H và anh Hồ Minh T1.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Theo bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 180/2016/HNGĐ-ST ngày 12/12/2016 của Tòa án nhân dân huyện Đ xác định ông T và bà H có 02 phần đất: Phần đất thứ nhất diện tích 17.292m² tọa lạc Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau do ông Hồ Công T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, phần đất thứ hai diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 38.539m² do anh Hồ Minh T1 đứng tên tọa lạc Ấp P, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau. Hai phần đất trên là tài sản của ông T, bà H chưa được phân chia.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bà H, Hội đồng xét xử thấy rằng: Phần đất bà H yêu cầu chia có diện tích 17.292m² tọa lạc Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Hồ Công T thì các đương sự thừa nhận là tài sản chung của bà H và ông T, phần đất này bà H cho rằng giao cho ông T quản lý, sử dụng, bà H vẫn quản lý giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đề sau này cho con, như vậy phần đất này chưa được Tòa án giải quyết bằng một bản án hay quyết định. Nay bà H yêu cầu chia phần đất cho bà và ông T mỗi người được hưởng $\frac{1}{2}$ là có căn cứ. Theo lời trình bày của bà H thì ông T có ý định chiếm đoạt nên đã báo mất giấy và tự đi làm giấy chứng nhận, sau đó được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số GCN CS00902 ngày 04/07/2019 mang tên ông Hồ Công T. Vì vậy phần đất này được xác định là tài sản chung của ông T, bà H nên được chia đôi, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận theo yêu cầu của bà H.

Tại biên bản định giá ngày 04/10/2019 ông T, bà H thống nhất giá trị đất theo khung giá nhà nước quy định 45.000đồng/m². Như vậy 17.292m² x 45.000đồng = 778.140.000 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của bà H có thay đổi ý kiến, đồng ý giao phần đất cho ông T, ông T có nghĩa vụ hoàn lại ½ giá trị đất số tiền là 389.070.000 đồng, đây là sự tự nguyện của bà H phù hợp quy định pháp luật, cho nên buộc ông T có nghĩa vụ thanh T2 cho bà H số tiền 389.070.000 đồng, ông T được nhận phần đất 17.292m².

Phần đất trên hiện ông T có thỏa thuận chuyển nhượng cho ông Nguyễn Hải Đ nhưng chưa làm thủ tục chuyển nhượng. Do tại cấp sơ thẩm ông Đ không có yêu cầu giải quyết cho nên cấp phúc thẩm không xem xét. Nếu ông Đ và ông T không thỏa thuận được sẽ được giải quyết thành vụ án dân sự khác.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của bà H và anh T1: Phần đất thứ hai có diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 38.539m² do anh Hồ Minh T1 đứng tên tọa lạc Ấp P, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau. Ông T cho là tài sản chung của vợ chồng, phần đất này anh T1 đã làm thủ tục đăng ký, kê khai và được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 08/6/2011. Theo Công văn trả lời của Ủy ban nhân dân huyện Đ phúc đáp cho Tòa án về việc trình tự cấp đất cho anh T1 là đúng với quy định của pháp luật hiện hành.

[4] Xét nguồn gốc đất: tại tờ giao kèo ngày 23/11/1995 viết tay thể hiện người nhận đất là ông Hồ Công T, người nhượng đất là ông Lê Tấn Th, tờ giao kèo này chỉ có hai người ký hoàn toàn không có xác nhận của chính quyền địa phương. Theo biên bản ghi lời khai của ông Lê Tấn Th nội dung ông chỉ có bán đất cho ông T và chỉ ký giấy với ông T, việc ông T có cho con là anh T1 hay không thì ông hoàn toàn không biết, tờ giao kèo trên là do ông T đến nhà ông ở Tây Ninh nhờ ông sao lục lại vì ông T có trình bày là bị mất và do có tranh chấp đất với vợ và con nên nhờ ông Th tìm lại giấy giao kèo. Tại giấy giao kèo ngày 25/11/1995 thời gian cách 02 ngày thể hiện người nhượng đất là ông Lê Tấn Th, người nhận đất là anh Hồ Minh T1 nội dung giao phần đất cho Hồ Minh T1 + Hồ Công T + Võ Thị H và ông Hồ Công T ký với tư cách là đại diện cho con. Như vậy ông Th chuyển nhượng đất cho ông T, bà H, anh T1 là có căn cứ.

Anh T1 xác định sau khi nhận chuyển nhượng cha và mẹ anh đã cho lại anh. Anh là người quản lý, sử dụng và đã làm thủ tục kê khai, đăng ký hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thời điểm 1995, nhưng do điều kiện khó khăn về kinh tế nên chưa làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến năm 2011 anh cất lại căn nhà cấp 4 và liên hệ làm hồ sơ đăng ký để hợp thức hóa thì được hướng dẫn làm thủ tục và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đến hiện nay.

Đối chiếu lời khai của anh T1 trình bày là anh nhận chuyển nhượng của ông Th là chưa có căn cứ. Lời trình bày của bà H tại bản án số 180/2016/HNGĐ-ST, bà H thừa nhận cho con ruột là Tiến đứng tên, do ông T không yêu cầu, nên việc phân chia tài sản không đặt ra. Tại bản án sơ thẩm số 180/2016/HNGĐ-ST ông T cũng không đặt ra vấn đề yêu cầu hay phản đối phần đất anh T1 đứng tên, mặc dù bản thân ông vẫn biết anh T1 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và có xây dựng nhà trên đất.

Như vậy việc anh T1 đăng ký quyền sử dụng đất là có sự đồng ý mặc nhiên của ông T, bà H từ trước đến nay, ông bà không có ý kiến hay phản đối gì.

[5] Trên phần đất 38.539m² hiện nay có căn nhà cấp 4 của anh T1 và anh T1 có cho em ruột là Hồ Công N 01 nền nhà ngang 06m, dài 09m. Từ đó đến nay không ai tranh chấp, theo xác nhận của địa phương anh T1 không thường xuyên có nhà nhưng có về xỏ vuông, thường ngày giao cho hai người con cùng vợ là chị Lương Thị Bích C quản lý, sử dụng nuôi trồng thủy sản.

Tương tự án lệ số 03/2016/AL của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hiện nay phần đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh Hồ Minh T1 và anh T1 đã xây dựng nhà ở, công trình kiến trúc trên đất, anh T1 đã sử dụng nhà, đất liên tục, công khai, ổn định, đã kê khai đăng ký đất, các anh em trong gia đình đều không có ý kiến, ông T, bà H cũng mặc nhiên không có ý kiến. Như vậy phần đất này có căn cứ là đã cho anh T1, cho nên không có cơ sở xác định phần đất vẫn còn là tài sản chung về quyền sử dụng của ông T, bà H để phân chia. Vì vậy kháng cáo của anh T1, bà H được chấp nhận, giữ nguyên phần đất diện tích là 38.539m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp cho anh Hồ Minh T1 tọa lạc Ấp P, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau là có căn cứ.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà Võ Thị H và anh Hồ Minh T1, sửa bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 278/2019/HNGĐ-ST ngày 23/12/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí, chi phí tố tụng:

Án phí dân sự chia tài sản có giá ngạch: Ông T, bà H không phải nộp do ông T, bà H được miễn nộp án phí.

Án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm: bà Võ Thị H không phải nộp do được miễn nộp án phí. Anh Hồ Minh T1 không phải nộp, ngày 06/01/2020 anh T1 đã dự nộp số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0010181 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ được nhận lại.

Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá: quá trình giải quyết vụ án ông T đã nộp số tiền 3.000.000 đồng, do chấp nhận kháng cáo của bà H nên số tiền được chia đôi mỗi người chịu 1.500.000 đồng cho nên bà H có trách nhiệm hoàn trả cho ông T số tiền 1.500.000 đồng.

[8] Các quyết định khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 33, 37, 62 Luật Hôn nhân và gia đình 2015; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận kháng cáo của bà Võ Thị H và anh Hồ Minh T1.

Sửa bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 278/2019/HNGĐ-ST ngày 23/12/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Võ Thị H về việc yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ giá trị phần đất diện tích 17.292m² (Mười bảy ngàn hai trăm chín mươi hai mét vuông) tọa lạc Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau cấp cho ông Hồ Công T ngày 04/7/2019.

Buộc ông Hồ Công T thanh T2 $\frac{1}{2}$ giá trị đất cho bà Võ Thị H số tiền là 389.070.000 đồng (Ba trăm tám mươi chín triệu không trăm bảy mươi ngàn đồng)

Kể từ ngày bà Võ Thị H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Hồ Công T chậm thi hành khoản tiền trên, thì ông Hồ Công T còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm thi hành, theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

2. Ông Hồ Công T được quyền quản lý, sử dụng phần đất thuộc tờ bản đồ số 05; thửa 370 có diện tích 17.292m² (mười bảy ngàn hai trăm hai mươi chín mét vuông) tọa lạc Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau cấp cho ông Hồ Công T ngày 04/7/2019. Phần đất có vị trí như sau:

- Hướng Đông giáp phần đất ông Hứa Văn Trung, dài 385m;
- Hướng Tây giáp phần đất ông Nguyễn Văn Quýt, dài 380,8m;
- Hướng Nam giáp phần đất ông Đoàn Thanh Liêm, dài 48m;
- Hướng Bắc giáp kênh Cây Giá (kênh Xáng Mới), dài 47,7m.

3. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Hồ Minh T1. Anh Hồ Minh T1 được quyền quản lý, sử dụng phần đất thuộc tờ bản đồ số 17; thửa 34 và 131 có diện tích 38.539m² (Ba mươi tám ngàn, năm trăm ba mươi chín mét vuông) tọa lạc Ấp P, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp cho anh Hồ Minh T1 ngày 08/6/2011. Phần đất có vị trí như sau:

- Hướng Đông giáp phần đất ông Ngô Phát Ngôn, dài 950m;
- Hướng Tây giáp phần đất ông Nguyễn Văn Móm, dài 958m;
- Hướng Nam giáp kinh Ông Đơn, dài 42,2m;
- Hướng Bắc giáp phần đất ông Lâm Văn Thọ, dài 40m.

4. Về án phí, chi phí tố tụng:

4.1. Án phí dân sự chia tài sản có giá ngạch: Ông T, bà H không phải nộp do ông T, bà H được miễn nộp án phí.

4.2. Án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm: bà Võ Thị H không phải nộp do được miễn nộp án phí. Anh Hồ Minh T1 không phải nộp, ngày 06/01/2020 anh T1 đã dự nộp số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0010181 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ được nhận lại.

4.3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Bà Võ Thị H phải chịu 1.500.000 đồng; ông Hồ Công T phải chịu 1.500.000 đồng. Buộc bà Võ Thị H phải có nghĩa vụ nộp số tiền 1.500.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ để hoàn trả cho ông Hồ Công T.

5. Các quyết định khác của án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT (TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Dương Hùng Quang